

Số: 82/2021/QĐST-HNGĐ

Thanh Ba, ngày 08 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: hành hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: **100/2021/TLST- HNGĐ** ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa :

Nguyên đơn: **Chị Mai Như Q**, sinh năm 1997

ĐKKH: Khu 10 xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện tại: Khu 1 xã Đ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: **Anh Phạm Đức Tâm**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu 10 xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Mai Như Q và anh Phạm Đức T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Mai Như Q và anh Phạm Đức T thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Mai Như Q và anh Phạm Đức T tự nguyện thỏa thuận như sau: Chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Khánh C sinh ngày 18/01/2018. Anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Khánh A sinh ngày 14/10/2016. Hiện hai con chung đang sống cùng chị Q tại xã Đ. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Chị Mai Như Q và anh Phạm Đức T thừa nhận: Vợ chồng có tài sản chung là một nhà xây làm trên đất của bố mẹ đẻ anh T tại khu 10 xã H trị

giá khoảng 200.000.000đ khi xây. Khi ly hôn hai bên thống nhất: anh T sở hữu ngôi nhà và thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Q 45.000.000đ (*bốn mươi lăm triệu đồng*). Thời hạn thanh toán là ngày 01/6/2022.

- **Về công nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình và đất nông nghiệp:** Chị Mai Như Q và anh Phạm Đức T đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ riêng:** Chị Mai Như Q và anh Phạm Đức T đều thừa nhận anh T có nợ riêng của ông Ma Quốc B 15.000.000đ. Khi ly hôn nợ riêng anh T tự trả, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày 02/6/2022, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì anh Phạm Đức T còn phải trả cho người yêu cầu thi hành án tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về án phí:** Chị Mai Như Q nhận nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Q đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2020/0001746 ngày 16/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Hoàn trả lại cho chị Mai Như Q 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- UBND xã H;
- Chi cục THA huyện Thanh Ba;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Lệ Thanh